

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 81/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28-10-2024
V/v “ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Gái.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thanh Vân.

Ông Dương Tấn Thành.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Đông Sang - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 207/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Phạm Minh T - Sinh năm 1987 - Địa chỉ: Ấp E, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

- **Bị đơn:** Bà Võ Thị T1 - Sinh năm 1988 - Địa chỉ: Ấp D, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05-8-2024, quá trình tố tụng nguyên đơn ông Phạm Minh T trình bày:

Ông và bà Võ Thị T1 tổ chức đám cưới vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39/2015 ngày 12-6-2015. Ông và bà T1 sống chung hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã mất hạnh phúc gia đình. Mặc dù đã cho nhau cơ hội để hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả. Ông và bà T1 đã ly thân từ năm 2021 đến nay.

Về hôn nhân: Ông yêu cầu ly hôn bà Võ Thị T1.

Về nuôi con chung: Có 03 con chung tên Phạm Võ Đại C, sinh ngày 25-4-2015; Phạm Võ Đại P, sinh ngày 22-10-2017; Phạm Võ Mỹ K, sinh ngày 15-5-2021 - hiện đang sống với bà T1. Khi ly hôn, ông đồng ý giao 03 con chung cho bà T1 nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng/con chung, thời gian cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi từng con chung đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai (không đề ngày tháng năm), quá trình tố tụng bị đơn bà Võ Thị T1 trình bày:

Bà đồng ý lời trình bày của ông T về ngày tháng, điều kiện kết hôn, thời gian ly thân, không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà không đồng ý lời trình bày của ông T về nguyên nhân mâu thuẫn, bà và ông T không xảy ra mâu thuẫn, từ khi bà sinh đứa con thứ 3, ông T đưa bà về nhà mẹ ruột bà sinh, từ đó không đón bà về nhà ông T lại, nên bà và ông T sống ly thân.

Về hôn nhân: Bà không đồng ý ly hôn với ông Phạm Minh T.

Về nuôi con chung: Bà đồng ý trực tiếp nuôi 03 con chung tên Phạm Võ Đại C, sinh ngày 25-4-2015; Phạm Võ Đại P, sinh ngày 22-10-2017; Phạm Võ Mỹ K, sinh ngày 15-5-2021. Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng/con chung, thời gian cấp dưỡng từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi từng con chung đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Phạm Minh T khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Võ Thị T1, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Ông Phạm Minh T và bà Võ Thị T1 chung sống có đăng ký kết hôn ngày 12-6-2015 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà T1 là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của ông T, đồng thời xét yêu cầu đoàn tụ của bà T1, Hội đồng xét xử nhận định: Ông T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, ông bà sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Bà T1 cho rằng hai vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn, do ông T đưa bà về nhà mẹ ruột sinh rồi không đón bà về nhà nữa. Ông T yêu cầu ly hôn, bà T1 yêu cầu đoàn tụ. Tuy nhiên, bà T1 không đưa ra biện pháp hữu hiệu để vợ chồng đoàn tụ. Tại phiên tòa ông bà vẫn cãi nhau gay gắt. Việc bà T1 cho rằng hai vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn trong khi sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay là không có căn

cứ. Vì vậy, nhận thấy mâu thuẫn giữa ông T và bà T1 đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc ông T yêu cầu ly hôn với bà T1 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Bà T1 được quyền trực tiếp nuôi 03 con chung tên Phạm Võ Đại C, sinh ngày 25-4-2015; Phạm Võ Đại P, sinh ngày 22-10-2017; Phạm Võ Mỹ K, sinh ngày 15-5-2021. Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng/con chung, thời gian cấp dưỡng từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi từng con chung đủ 18 tuổi.

[6] Về chia tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy:

[7.1] Ông T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Ông T có nghĩa vụ nộp thêm 300.000 đồng tiền án phí.

[7.2] Bà T1 không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Ông Phạm Minh T được ly hôn với bà Võ Thị T1.

2. Về nuôi con chung: Bà Võ Thị T1 được quyền trực tiếp nuôi 03 con chung tên Phạm Võ Đại C, sinh ngày 25-4-2015; Phạm Võ Đại P, sinh ngày 22-10-2017; Phạm Võ Mỹ K, sinh ngày 15-5-2021 - hiện 03 con chung đang sống với bà T1. Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng/con chung, thời gian cấp dưỡng từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi từng con chung đủ 18 tuổi.

Ông T được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, khi cần thiết vì lợi ích con chung, ông T và bà T1 có quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con và yêu cầu thay đổi khoản cấp dưỡng nuôi con theo luật hôn nhân và gia đình.

Nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Minh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng cộng ông T có nghĩa vụ chịu 600.000 đồng, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo biên lai thu số 0004633 ngày 26-8-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ). Ông T có nghĩa vụ nộp thêm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí.

5. Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28-10-2024).

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- CC. THADS huyện Đức Huệ;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Thạnh Bắc, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An (để ghi sổ hộ tịch);
- Lưu: hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Gái